Phụ lục V

PHÂN BỔ DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

Đơn vị: Chi cục Quản lý đất đai

Mã số đơn vị: 1119229

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-STNMT ngày tháng 12 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	NỘI DUNG CHI	TỔNG CỘNG	Chi cục Quản lý đất đai			Ghi chú
	Mã số đơn vị		**1119229**			
	Loại		**340**	**280**	**070**	
	Khoản		**341**	**332**	**085**	
	TỔNG DỰ TOÁN THU, CHI NSNN	**8.329**	**4.245**	**4.048**	**36**	
I	**SỐ THU CHI: LỆ PHÍ, PHÍ**	**22**	**22**	**-**	**-**	
1	**Số thu phí, lệ phí**	**22**	**22**		**-**	
1.1	***Lệ phí***	**-**	**-**		**-**	
1.2	***Phí***	***22***	***22***		**-**	
	Phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động đo đạc bản đồ	22	22			
2	**Số phí đơn vị được sử dụng**	**15**	**15**	**-**	**-**	
	Chi quản lý hành chính	***15***	***15***		**-**	
2.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	15	15			
	Phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động đo đạc bản đồ	15	15			
2.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-				
3	**Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước**	**7**	**7**		**-**	
3.1	***Lệ phí***	**-**	**-**		**-**	
3.2	***Phí***	***7***	***7***		**-**	
	Phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động đo đạc bản đồ	7	7			
II	**CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**	**8.307**	**4.223**	**4.048**	**36**	
1	**Chi hành chính nhà nước**	**4.223**	**4.223**	**-**	**-**	
1.1	***Tổng dự toán NSNN giao***	***4.223***	***4.223***	**-**	**-**	
	- Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	3.861	3.861	-	-	
	+ Chi quản lý nhà nước	3.861	3.861	-	-	
	- Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	362	362	-	-	
1.2	***Dự toán ngân sách quản lý***	***44***	***44***	**-**	**-**	
	Tiết kiệm 10% chi thường xuyên để tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định	*36*	*36*			
	Tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên tăng thêm của dự toán năm 2025 so với dự toán năm 2024	*8*	*8*			
1.3	***Dự toán còn lại giao cho đơn vị được sử dụng***	***4.179***	***4.179***	**-**	**-**	
1.3.1	***Dự toán phân bổ kỳ này***	***4.106***	***4.106***	**-**	**-**	
1.3.1.1	*Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ*	*3.861*	*3.861*	-	-	
	- Quản lý nhà nước. Trong đó:	3.861	3.861	-	-	
	+ Tiền lương và các khoản trích theo lương đối với biên chế được giao	3.033	3.033			
	+ Kinh phí hỗ trợ thực hiện công việc thừa hành, phục vụ	252	252			
	+ Kinh phí hoạt động	576	576			

TT	NỘI DUNG CHI	TỔNG CỘNG	Chi cục Quản lý đất đai			Ghi chú
	Mã số đơn vị		**1119229**			
	Loại		**340**	**280**	**070**	
	Khoản		**341**	**332**	**085**	
	Trong đó: *Tiết kiệm 10% cải cách tiền lương tại đơn vị đối với kinh phí tự chủ (1)*	*58*	*58*			
1.3.1.2	*Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ*	*245*	*245*	-	-	
	- Nghiệp vụ giao đất, cho thuê đất và các nhiệm vụ khác được UBND tỉnh giao	90	90			
	- Xác định giá đất cụ thể	155	155			
1.3.2	***Dự toán còn lại chưa phân bổ (2)***	***73***	***73***	-	-	
	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	-	-	-	-	
	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	*73*	*73*	-	-	
	- Mua sắm tài sản, máy móc thiết bị	73	73			
2	**Sự nghiệp kinh tế**	**4.048**	-	**4.048**	-	
2.1	***Tổng dự toán NSNN giao***	***4.048***	-	***4.048***	-	
2.1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	4.048	-	4.048	-	
	- Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	-	-	-	-	
	- Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	4.048	-	4.048	-	
2.1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-		-	
2.2	***Dự toán ngân sách quản lý***	***608***	-	***608***	-	
2.2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	608	-	608	-	
	Tiết kiệm 10% chi thường xuyên để tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định	405		405	-	
	Tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên tăng thêm của dự toán năm 2025 so với dự toán năm 2024	*203*		*203*		
2.2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-		-	
2.3	***Dự toán còn lại giao cho đơn vị được sử dụng***	***3.440***	-	***3.440***	-	
2.3.1	***Dự toán phân bổ kỳ này***	***3.440***	-	***3.440***	-	
2.3.1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	3.440	-	3.440	-	
	- Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	-	-	-	-	
	- Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	3.440	-	3.440	-	-
	+ Thuê tư vấn xác định giá đất cụ thể và xác định chênh lệch tiền sử dụng đất, thuê đất theo quy định	1.620		1.620		
	+ Nhiệm vụ xây dựng Bảng giá đất lần đầu	1.267		1.267		
	+ Nhiệm vụ kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 tỉnh Bình Định	553		553		
2.3.1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-		-	
2.3.2	***Dự toán còn lại chưa phân bổ***	-	-	-	-	
3	**Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề**	**36**	-	-	**36**	
3.1	***Tổng dự toán NSNN giao***	***36***	-	-	***36***	
3.1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	36	-	-	36	
	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	-	-		-	

TT	NỘI DUNG CHI	TỔNG CỘNG	Chi cục Quản lý đất đai			Ghi chú
	Mã số đơn vị		**1119229**			
	Loại		**340**	**280**	**070**	
	Khoản		**341**	**332**	**085**	
	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	36	-		36	
3.1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-		-	
3.2	***Dự toán ngân sách quản lý***	***4***	**-**	**-**	***4***	
3.2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	4	-	-	4	
	Tiết kiệm 10% chi thường xuyên để tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định	4			4	
	Tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên tăng thêm của dự toán năm 2025 so với dự toán năm 2024	-			-	
3.2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-		-	
3.3	***Dự toán còn lại giao cho đơn vị được sử dụng***	***32***	**-**	**-**	***32***	
3.3.1	***Dự toán phân bổ kỳ này***	***32***	**-**	**-**	***32***	
3.3.1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	32	-	-	32	
	- Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	-	-		-	
	- Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	32	-	-	32	-
	+ Kinh phí tập huấn nghiệp vụ	*32*			*32*	
3.3.1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-		-	
3.3.2	***Dự toán còn lại chưa phân bổ***	-	**-**	**-**	-	
	Địa điểm KBNN nơi đơn vị SDNS giao dịch	KBNN tỉnh Bình Định	KBNN tỉnh Bình Định			

Ghi chú:

(1) Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp, đóng góp theo lương, các khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ) kinh phí tự chủ để lại tại đơn vị tạo nguồn cải cách tiền lương năm 2025.

(2) Đối với kinh phí mua sắm tài sản, trang thiết bị và kinh phí cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới các hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng, pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công ***được phân bổ dự toán: (i) sau khi hoàn thành việc sắp xếp mô hình tổ chức bộ máy các cơ quan, đơn vi; (ii) theo tiến độ thu, khả năng cân đối ngân sách tỉnh.***